



Quy định của Nhật Bản đối với các mặt hàng gỗ nhập khẩu từ Việt Nam

Nhật Bản là một trong những thị trường quan trọng nhất của ngành gỗ Việt Nam. Các sản phẩm quan trọng Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này bao gồm dăm gỗ, viên nén, ghé ngòli... Dư địa phát triển của thị trường này đang còn rất lớn, đặc biệt đối với mặt hàng viên nén. Nắm bắt được các yêu cầu của thị trường Nhật Bản có vai trò tối quan trọng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Bản tin này chia sẻ một số thông tin cơ bản về thị trường Nhật Bản, bao gồm các mặt hàng chính Việt Nam xuất khẩu vào Nhật trong những năm gần đây, cũng như các quy định của Chính phủ Nhật Bản đối với các mặt hàng gỗ nhập khẩu.

1. Thị trường gỗ và sản phẩm gỗ Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia có tỉ lệ độ che phủ rừng đứng thứ ba trên thế giới, đạt 68,4%, chỉ xếp sau Phần Lan và Thụy Điển (FAO, 2020). Năm 2023, Nhật Bản đã nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt giá trị kim ngạch 17,95 tỷ USD¹, gồm:

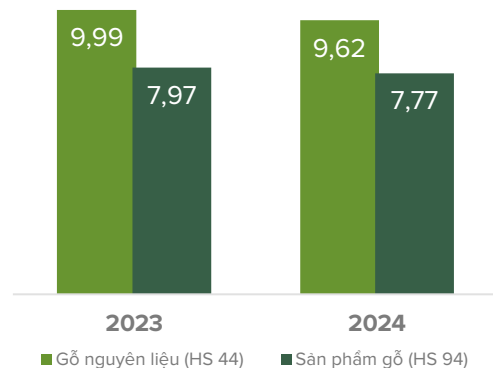
- Nhóm hàng gỗ nguyên liệu (HS 44): 9,99 tỷ USD
- Nhóm hàng sản phẩm gỗ (HS 94): 7,97 tỷ USD

Năm 2024, giá trị kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản cho nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ đạt khoảng 17,39 tỷ USD², gồm:

- Nhóm hàng gỗ nguyên liệu (HS 44): 9,62 tỷ USD
- Nhóm hàng sản phẩm gỗ (HS 94): 7,77 tỷ USD

Hình 1 cho thấy giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ vào Nhật Bản giai đoạn 2023-2024 từ tất cả các thị trường.

Hình 1. Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Nhật Bản năm 2023 – 2024 (tỷ USD)



Nguồn: Tính toán của ITC dựa trên số liệu thống kê của Bộ Tài chính Nhật Bản.

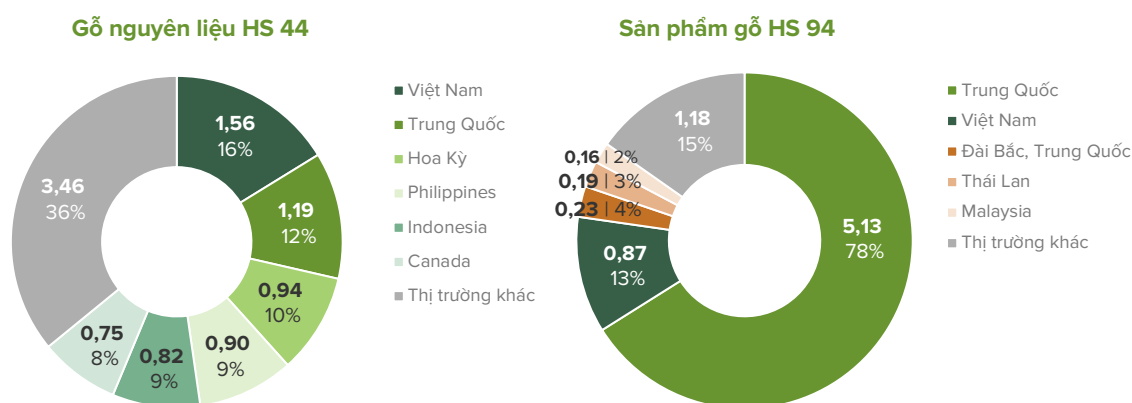
¹ Trade Performance HS : Imports of wood and articles of wood, wood charcoal (2023, in USD thousands) ([link](#))

² Trade Map: Trade statistics for international business development ([link](#))

Năm 2024, các quốc gia cung gỗ nguyên liệu lớn nhất vào thị trường Nhật Bản là: Việt Nam (1,56 tỷ USD), Trung Quốc (1,19 tỷ USD), Hoa Kỳ (0,94 tỷ USD), Philippines (0,9 tỷ USD), Indonesia (0,82 tỷ USD), và Canada (0,75 tỷ USD).

Trong cùng năm, các quốc gia cung sản phẩm gỗ nhiều nhất vào thị trường Nhật Bản là: Trung Quốc (5,13 tỷ USD), Việt Nam (0,87 tỷ USD), Đài Bắc - Trung Quốc (0,23 tỷ USD), Thái Lan (0,19 tỷ USD) và Malaysia (0,16 tỷ USD). Hình 2 chỉ ra các thị trường cung cấp gỗ và sản phẩm gỗ vào Nhật Bản trong năm 2024.

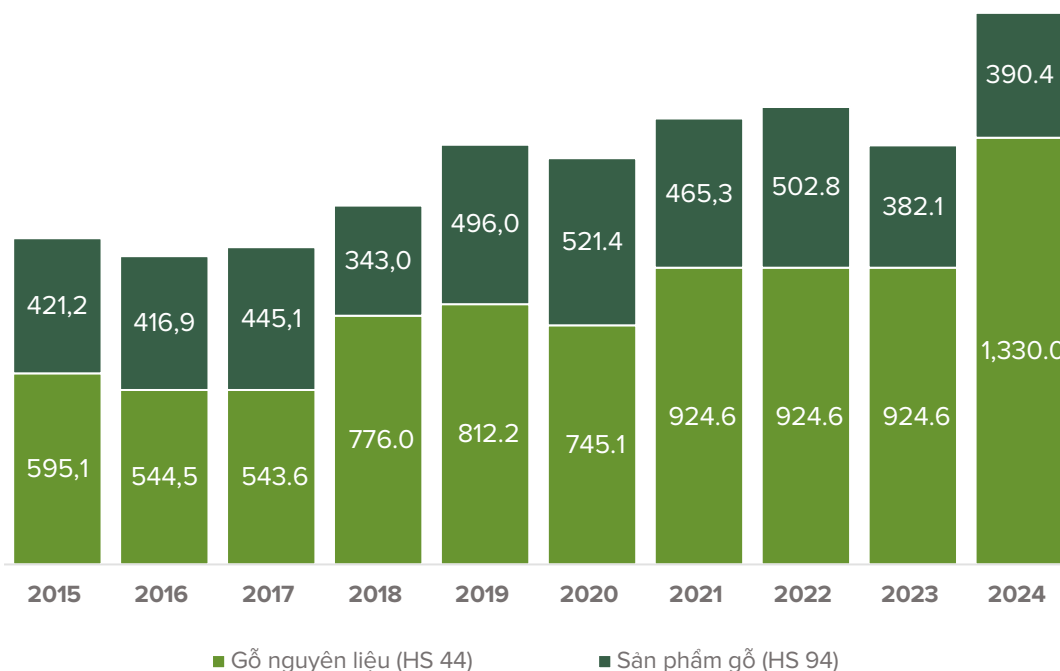
Hình 2. Các thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Nhật Bản năm 2024 (tỷ USD)



Nguồn: Tính toán của ITC dựa trên số liệu thống kê của Bộ Tài chính Nhật Bản.

Theo số liệu của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam tổng hợp từ Hải quan Việt Nam, giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Nhật Bản từ Việt Nam giai đoạn 2015-2024 tăng trưởng nhanh trong năm 2024 so với mức tương đối ổn định trong các năm trước đó. Tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu năm 2024 trên 1,72 tỷ USD (Hình 3).

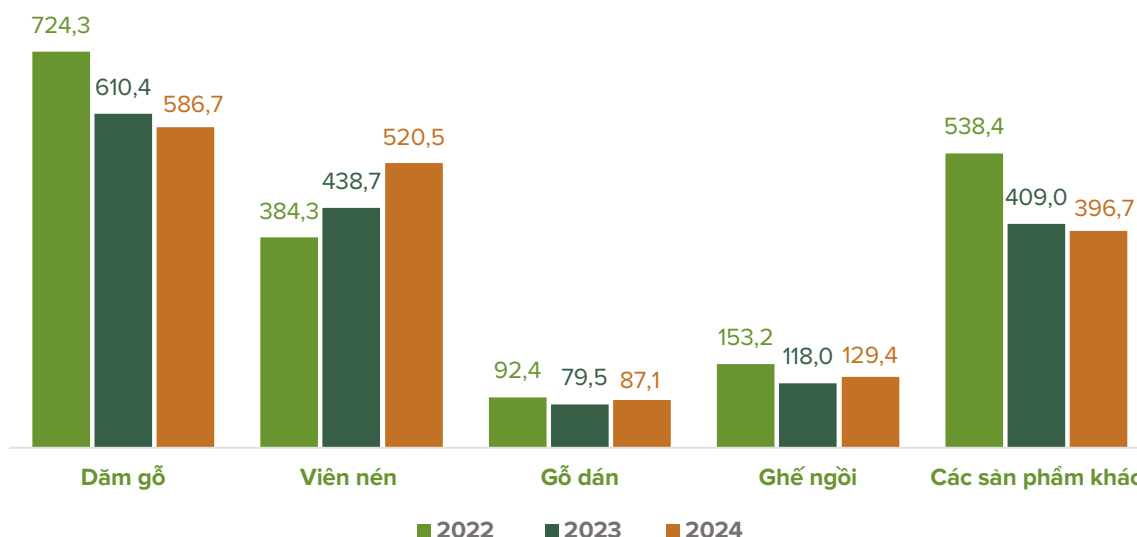
Hình 3. Giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào Nhật Bản giai đoạn 2015-2024 (triệu USD)



Nguồn: Viforest tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

Số liệu xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ thị trường Việt Nam vào thị trường Nhật Bản giai đoạn 2022-2024 cho thấy viên nén, gỗ dán, gỗ ghép và đồ nội thất là các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất, trong đó giá trị xuất khẩu viên nén tương đối ổn định (Hình 4 và Phụ lục 1)

Hình 4. Giá trị kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm gỗ chính của Việt Nam vào Nhật Bản giai đoạn 2022-2024 (triệu USD)



Nguồn: Viforest tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

2. Một số Đạo luật chính của Nhật Bản trong lĩnh vực lâm nghiệp

2.1. Đạo luật Khuyến khích sử dụng và phân phối gỗ và sản phẩm gỗ hợp pháp (Đạo luật Gỗ Sạch - Clean Wood Act)

Đạo luật Gỗ sạch (Clean Wood Act) được ban hành vào năm 2016, chính thức có hiệu lực từ tháng 5 năm 2017 nhằm khuyến khích việc phân phối và sử dụng gỗ hợp pháp, tăng cường kiểm soát đối với các sản phẩm gỗ nhập khẩu, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác minh tính hợp pháp của gỗ từ các quốc gia cung cấp.

Đạo luật Gỗ sạch 2016 quy định phân loại doanh nghiệp gồm 2 loại:

- Loại 1: Các doanh nghiệp nhập khẩu, các nhà máy cơ sở chế biến gỗ, và các nhà sản xuất.
- Loại 2: Các nhà bán lẻ, nhà phân phối, và doanh nghiệp xây dựng.

Tuy nhiên, Đạo luật Gỗ sạch 2016 chỉ yêu cầu các doanh nghiệp mong muốn được cấp chứng nhận “Doanh nghiệp gỗ và sản phẩm gỗ đã được đăng ký” thực hiện các quy định của luật. Trong khi đó tính tới năm 2020 chỉ có 397/20.000 doanh nghiệp gỗ tại Nhật Bản đăng ký cấp chứng nhận nói trên. Đạo luật Gỗ sạch 2016 cũng không đưa ra hình phạt đối với các doanh nghiệp không đăng ký chứng nhận nói trên hoặc doanh nghiệp buôn bán gỗ bất hợp pháp (Momii & Saunders, 2020). Một số điểm quan trọng của Đạo luật Gỗ Sạch 2016:

- Tất cả các bên mua gỗ và các sản phẩm từ gỗ đều được khuyến khích xác minh tất cả các giao dịch mua để đảm bảo rằng chúng được khai thác hợp pháp.
- Các doanh nghiệp liên quan đến gỗ được phân loại thành Loại 1 và Loại 2.
- Doanh nghiệp Loại 1 (ví dụ: nhà nhập khẩu) nên tự kiểm tra tính hợp pháp của việc khai thác và tự đánh giá (không chỉ dựa vào xác minh của nhà cung cấp) theo các quy trình phù hợp.
- Giới thiệu hệ thống đăng ký tự nguyện.

- Chính phủ Nhật Bản thu thập thông tin về hệ thống sản xuất, thương mại gỗ và tính hợp pháp của các quốc gia cung cấp gỗ chính để công bố trên "Clean Wood Navi" dành cho các nhà nhập khẩu gỗ và các bên liên quan khác. Clean Wood Navi không cung cấp tiêu chuẩn để doanh nghiệp tự đánh giá.

Vào tháng 5 năm 2023, Đạo luật Gỗ sạch 2016 đã được sửa đổi, chính thức áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 2025, tập trung vào 3 điểm chính sau:

- **Quy định nhiều yêu cầu cho doanh nghiệp loại 1:** Doanh nghiệp loại 1 có nghĩa vụ thu thập thông tin và bằng chứng chứng minh gỗ hợp pháp, có trách nhiệm giải trình tính hợp pháp của gỗ và các bằng chứng có liên quan.
- **Tăng trách nhiệm của các cơ quan chính phủ trong việc kiểm soát gỗ hợp pháp:** các doanh nghiệp phải báo cáo kết quả trách nhiệm giải trình tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra tiến trình đánh giá của doanh nghiệp để đảm bảo việc đánh giá của doanh nghiệp được thực hiện đúng cách.
- **Tăng hình phạt đối với các vi phạm:** quy định mức phạt tối đa lên đến 2.800 USD đối với các hành vi vi phạm, như sử dụng sai chứng nhận hoặc không tuân thủ quy định báo cáo; các doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thẩm tra tính hợp pháp có thể bị rút Giấy phép hoạt động.

2.2. Đạo luật cơ bản về Lâm nghiệp và Rừng năm 1964

- Mục tiêu của Đạo luật là xây dựng chính sách lâm nghiệp và đảm bảo cải thiện tài nguyên rừng và bảo tồn đất đai quốc gia.
- Đạo luật bao gồm: quy định chung; kế hoạch cơ bản về lâm nghiệp; chính sách thực hiện chức năng đa chức năng của lâm nghiệp; chính sách phát triển lâm nghiệp bền vững và lành mạnh; chính sách bảo đảm cung ứng và sử dụng sản phẩm rừng; cơ quan hành chính và các cơ quan có liên quan; Hội đồng Chính sách Lâm nghiệp.
- Đạo luật này quy định về việc lập kế hoạch cơ bản về lâm nghiệp để thúc đẩy việc thực hiện toàn diện và có hệ thống các chính sách về lâm nghiệp. Nhà nước sẽ thực hiện các biện pháp thúc đẩy trồng rừng có hệ thống, phát triển đường giao thông trong rừng, bảo tồn rừng, phát triển và phổ biến công nghệ, v.v.
- Đạo luật này quy định về việc thành lập Hội đồng Chính sách Lâm nghiệp và xác định thành phần của hội đồng.

2.3. Đạo luật Quản lý Rừng

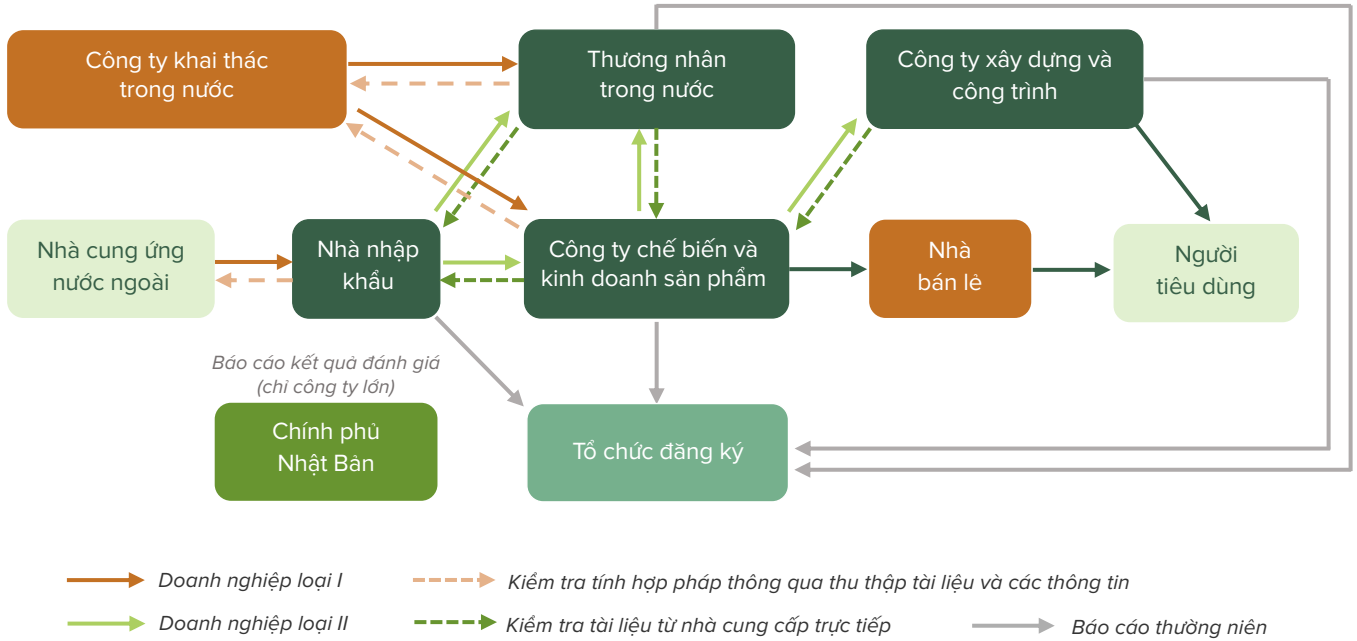
- Mục đích: thúc đẩy tích hợp hiệu quả và tối ưu hóa quản lý rừng, bằng cách thiết lập kế hoạch tích lũy quyền quản lý kinh doanh, mua lại quyền quản lý kinh doanh từ chủ rừng và thực hiện các biện pháp như tự mình quản lý kinh doanh hoặc giao giấy phép quản lý kinh doanh cho các nhà điều hành tư nhân, v.v., giúp phát triển bền vững của ngành lâm nghiệp và thực hiện các chức năng đa dạng của rừng.
- Đạo luật bao gồm: quy định chung; tổng hợp quyền quản lý tại các thành phố; quản lý rừng của các thành phố; giấy phép cho các đơn vị điều hành kinh doanh tư nhân; lệnh về các biện pháp phòng ngừa thảm họa, v.v.; các biện pháp hỗ trợ cho các đơn vị điều hành kinh doanh lâm nghiệp; các quy định khác; các quy định về hình phạt.
- Đối với những khu rừng mà các địa phương có quyền quản lý, các địa phương phải tuân thủ các quy định trong Pháp lệnh của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản nếu có ý định cấp giấy phép

quản lý cho các doanh nghiệp tư nhân và phải lập kế hoạch phân bổ giấy phép quản lý doanh nghiệp.

- Chính quyền thành phố có thể yêu cầu các đơn vị kinh doanh lâm nghiệp báo cáo về tình hình quản lý và các vấn đề cần thiết khác liên quan đến những khu rừng đã được cấp giấy phép quản lý.

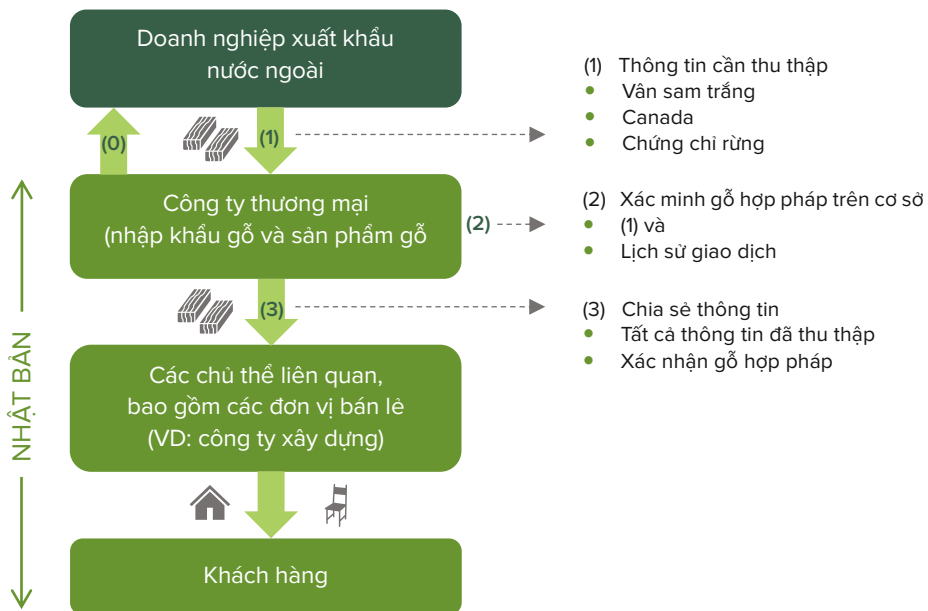
3. Các tiêu chuẩn và quy định đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Nhật Bản

Hình 5. Chuỗi cung và yêu cầu báo cáo theo Luật Gỗ sạch sửa đổi 2023



Nguồn: Samejima, 2023

Hình 6. Công ty thương mại nhập khẩu gỗ từ một nhà xuất khẩu được thành lập bên ngoài Nhật Bản



Nguồn: Takahata, 2024

Nghĩa vụ đối với các doanh nghiệp Loại 1:

Thu thập thông tin và tài liệu về nguyên liệu gỗ để kiểm tra tính hợp pháp của việc khai thác gỗ, đảm bảo nguồn gốc không vi phạm quy định về khai thác trái phép (Hộp 1), và đánh giá cho tất cả các hoạt động mua sắm.

Hộp 1: Các thông tin cần thu thập đối với gỗ nhập khẩu

- Loại gỗ và sản phẩm gỗ (gỗ tròn, gỗ xẻ, ván ép, v.v.)
- Tên loài cây
- Tên của quốc gia trồng và khai thác
- Sản lượng gỗ
- Tên của chủ gỗ và/hoặc nhà xuất khẩu
- Các loại tài liệu chứng minh gỗ được khai thác đúng quy định pháp luật của quốc gia sở tại:
- Giấy phép được cấp bởi các cơ quan chính phủ hoặc tương đương: Giấy phép xuất khẩu, giấy phép khai thác gỗ, v.v.
- Các loại chứng chỉ quản lý rừng và truy xuất nguồn gốc như FSC, PEFC, v.v.

Doanh nghiệp nhập khẩu và các doanh nghiệp liên quan phải thực hiện thẩm tra tính hợp pháp và báo cáo kết quả cho cơ quan chính phủ Nhật Bản (Hộp 2).

Hộp 2: Quy trình trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp

- Đề cập đến các biện pháp mà một công ty thực hiện trong hoạt động kinh doanh của mình nhằm giảm thiểu rủi ro khi công ty thu mua gỗ và sản phẩm gỗ khai thác bất hợp pháp:
- Thu thập thông tin chuỗi cung ứng
- Đánh giá rủi ro
- Các biện pháp giảm thiểu rủi ro
- Nếu bước (2) xác nhận rủi ro ở mức thấp thì không cần thực hiện (3). Nếu không thể giảm thiểu rủi ro ở (3), hãy ngừng mua sản phẩm.

Cung cấp kết quả kiểm tra cho các bên mua hàng.

- Quyền hạn và hình phạt của Chính phủ được tăng cường: Chính phủ kiểm tra xem đánh giá có được thực hiện một cách phù hợp hay không, nhưng không kiểm tra tính chính xác của đánh giá đó.
- Nghĩa vụ đối với các công ty khai thác gỗ trong nước: cung cấp thông tin về việc khai thác hợp pháp cho người mua của họ.
- Luật này cũng áp dụng cho các nhà bán lẻ.

4. Khuyến nghị

Luật Gỗ sạch sửa đổi 2023 sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2025. Tuy nhiên đến nay các văn bản hướng dẫn thực thi cho các nhà cung cấp gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường Nhật Bản vẫn chưa đầy đủ. Nhật Bản là thị trường xuất khẩu quan trọng đối với gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam, do đó, Chính phủ, các hiệp hội và các doanh nghiệp ngành gỗ Việt Nam cần có sự chuẩn bị để đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cơ quan chức năng và doanh nghiệp nhập khẩu gỗ tại Nhật Bản.

Cơ quan quản lý nhà nước tại Việt Nam

- Trao đổi trực tiếp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý lâm nghiệp và gỗ hợp pháp tại Nhật Bản về yêu cầu pháp lý của quốc gia này đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu và các hướng dẫn cụ thể;

- Chia sẻ, phổ cập thông tin về yêu cầu pháp lý của Nhật Bản đối với gỗ và sản phẩm gỗ và nhập khẩu tới các hiệp hội, doanh nghiệp trong ngành gỗ;
- Hướng dẫn, yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương tiến hành các thủ tục xác nhận gỗ khai thác hợp pháp theo quy định pháp luật của Việt Nam cho chủ rừng và doanh nghiệp.

Hiệp hội doanh nghiệp

- Tổ chức các diễn đàn để trao đổi và chia sẻ thông tin giữa doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam với các hiệp hội, doanh nghiệp gỗ tại Nhật Bản để có thêm thông tin về yêu cầu của Chính phủ và các doanh nghiệp Nhật Bản đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu;
- Xây dựng cẩm nang hướng dẫn đáp ứng các quy định của Nhật Bản đối với gỗ và sản phẩm gỗ để chia sẻ thông tin tới các doanh nghiệp gỗ trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu.

Doanh nghiệp xuất khẩu

- Chủ động thu thập thông tin và bằng chứng chứng minh gỗ được khai thác hợp pháp theo quy định pháp luật của Việt Nam. Các bằng chứng cần thu thập tham khảo tại Hộp 1.
- Xây dựng sơ đồ chuỗi cung ứng và quản lý rủi ro theo chuỗi để đảm bảo hạn chế các rủi ro liên quan tới tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ.
- Thường xuyên trao đổi và cập nhật với doanh nghiệp nhập khẩu đối tác tại Nhật Bản về các yêu cầu pháp lý đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu từ thị trường Việt Nam.

Phụ lục

Phụ lục 1. Các sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam vào thị trường Nhật Bản giai đoạn 2020-2024 (USD)

Mặt hàng	2020	2021	2022	2023	2024
Dăm gỗ	402.092.879	500.154.133	724.312.112	610.435.811	586.737.161
Viên nén	157.569.776	200.113.784	384.296.452	438.671.980	520.544.434
Ghế ngồi	129.546.529	124.553.619	153.202.559	118.048.054	129.436.281
Gỗ dán	45.964.552	80.011.981	92.372.015	79.451.435	87.067.674
Nội thất bằng gỗ khác	107.297.023	94.862.723	109.606.409	73.580.587	82.080.903
Nội thất phòng ngủ	112.705.336	86.114.580	85.224.894	77.790.262	78.354.163
Nội thất phòng bếp	64.493.845	66.039.796	64.537.838	51.935.821	47.770.625
Nội thất văn phòng	84.735.958	70.187.115	63.556.172	43.675.851	31.546.463
Bộ phận đồ gỗ	22.658.045	23.502.758	26.665.394	17.046.045	21.215.272
Các sản phẩm khác	139.495.464	144.347.686	188.790.690	144.968.993	135.692.337
Tổng XNK	1.266.559.407	1.389.888.175	1.892.564.535	1.655.604.839	1.720.445.313

Nguồn: Viforest tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

Phụ lục 2. Danh mục các đạo luật và nghị định của Nhật Bản trong lĩnh vực lâm nghiệp³

Nội dung	Ngày của văn bản gốc	Ngày của văn bản sửa đổi gần nhất
Luật Lâm nghiệp và Lâm nghiệp cơ bản năm 1964 (Luật số 161).	7/9/1964	7/16/2003
Luật Quản lý Rừng (Luật số 35 năm 2018).	6/1/2018	3/31/2021
Luật Thúc đẩy Phân phối và Sử dụng Gỗ và Sản phẩm Gỗ được Khai thác hợp pháp (Luật số 48)	5/20/2016	
Luật Thúc đẩy Sử dụng Gỗ trong các Tòa nhà Công cộng (Luật số 36).	7/2/1905	
Luật về Các biện pháp Đặc biệt để Đảm bảo Nguồn cung Gỗ ổn định (Luật số 47).	6/18/1905	
Luật Biện pháp Đặc biệt Liên quan đến Thúc đẩy Giảm thiểu Rừng (Luật số 32).	6/30/1905	
Luật Thúc đẩy Hoạt động Kinh doanh Hợp tác giữa các Doanh nghiệp vừa và nhỏ và các ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (Luật số 38).	6/30/1905	
Luật Thúc đẩy Đảm bảo Lao động Lâm nghiệp (Luật số 45 năm 1996).	5/24/1996	3/31/2020
Phương pháp trợ cấp tài trợ cải thiện ngành Lâm nghiệp và gỗ (Luật số 42).	5/29/1905	
Luật Quản lý Rừng Quốc gia (Luật số 246 năm 1951).	5/4/1905	6/27/2014
Luật Kiểm soát Sâu bệnh Rừng (Số 53 năm 1950).	3/31/1950	8/30/2011
Sắc lệnh số 1 thực thi Luật Thúc đẩy Phân phối và Sử dụng Gỗ khai thác hợp pháp.	5/1/2017	
Lệnh thực thi Luật Kiểm soát Sâu bệnh Rừng (Sắc lệnh Nội các số 87 năm 1997).	3/28/1997	6/21/1905
Lệnh thực thi Luật Tiêu chuẩn Nông nghiệp Nhật Bản (Sắc lệnh Nội các số 291 ngày 31 tháng 8 năm 1951).	8/31/1951	7/12/1905
Sắc lệnh Thực thi Luật Kiểm soát Sâu bệnh Rừng (Số 35 năm 1950).	4/1/1950	8/1/2011
Quy tắc khảo sát thống kê gỗ (Sắc lệnh số 124).	7/2/1905	
Hướng dẫn Xác minh Tính hợp pháp và Tính bền vững của Gỗ và Sản phẩm Gỗ.	2/1/2006	

Tài liệu tham khảo

FAO. (2020). *Global Forest Resources Assessment 2020: Main report*. Rome: FAO.
doi:<https://doi.org/10.4060/ca9825en>

Momii, M., & Saunders, J. (2020). *The Japanese Clean Wood Act: Effectively clean up? Washington DC: Forest Trends*.

Samejima, H. (2023). Update of Clean Wood Act of Japan (Amended in May 2023).

Takahata, K. (2024). The Japanese 'Clean Wood Act' and beyond. Japan.

With support from David and Lucile Packard Foundation



³ FAOLEX Database: Japan Forestry ([link](#))